

NGÔN NGỮ GIAO TIẾP TRONG HÔN LỄ CỦA NGƯỜI NAM BỘ QUA MỘT SỐ NGHI LỄ, NGHI THỨC

NGUYỄN THỊ TỊNH*

TÓM TẮT

Dựa trên kết quả khảo sát ngữ liệu thực tế tại 19 tỉnh thành ở Nam Bộ, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu về ngôn ngữ giao tiếp (NNGT) trong hôn lễ của người Nam Bộ qua một số nghi lễ (NL), nghi thức (NT) để hiểu sâu hơn về nét đẹp của văn hóa dân tộc cũng như tìm ra những đặc trưng tiêu biểu nhất của NNGT thể hiện trong NL này và khu biệt chúng với NL khác thuộc lễ tục vòng đời.

Từ khóa: nghi lễ, nghi thức, ngôn ngữ giao tiếp, hôn lễ.

ABSTRACT

Communicative language in wedding ceremonies of Southern Vietnam people through some rituals and etiquettes

Based on the result of surveying real linguistic data in 19 provinces and cities in Southern area, we have conducted research on features of communicative language in wedding ceremonies of Southern people through some rituals, etiquettes in wedding ceremonies and parties in order to understand more deeply the beauty of national culture as well as find out the most typical features of communicative language shown in these rituals and distinguish them with other rituals of life circle rite.

Keywords: ritual, etiquette, communicative language, wedding ceremony.

1. Mở đầu

Hôn lễ là hi sự trọng đại của cô dâu chú rể (CDCR), là niềm vui của gia đình. Cách thức giao tiếp trong hôn lễ mang phong vị của lễ hội và đình đám nên ngôn ngữ giao tiếp (NNGT) thuộc NL này khác với các NL khác của lễ tục vòng đời bởi chúng có tính khu biệt rõ rệt trong phần lễ và phần tiệc. Hoạt động giao tiếp của người tham dự trong cuộc lễ đều có chung một đặc trưng là chia vui cùng CDCR và gia chủ.

Ngôn ngữ là tấm gương phản ánh những đặc trưng của nền văn hóa dân tộc, vai trò của ngôn ngữ đối với văn hóa thứ nhất là lưu giữ và bảo tồn, thứ hai là sáng

tạo và phát triển [8, tr.33]. Chúng tôi tìm hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa ở vai trò thứ nhất. Bởi lẽ, ngôn ngữ là sản phẩm của xã hội do con người làm ra, sở dĩ có NL hôn nhân trong đời sống xã hội mới có NNGT mang phong vị riêng cho NL này.

Về NL và NT của lễ tiệc cưới hỏi ở góc độ đời sống, văn hóa, xã hội, dân tộc nói chung đã được nhiều tác giả nghiên cứu khá hoàn chỉnh [1], [2], [4], [6], [9], [10]. Tuy nhiên, việc tìm hiểu và nghiên cứu NL này ở góc độ ngôn ngữ đến nay vẫn chưa được tác giả nào nghiên cứu cụ thể. Vì vậy, dựa trên kết quả khảo sát ngữ liệu thực tế tại 19 tỉnh thành ở Nam Bộ,

* NCS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TPHCM; Email: tinh_enquiries@yahoo.com

trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tiến hành tìm hiểu về NNGT trong hôn lễ của người Nam Bộ để hiểu sâu hơn về nét đẹp của văn hóa dân tộc cũng như NNGT thể hiện trong NL này.

2. NNGT trong lễ hỏi, lễ cưới

Lễ hỏi và lễ cưới tuân theo quan niệm “cưới xin” nên NNGT mang đặc trưng của phong cách NL với lối nói trang trọng, lịch thiệp như *kính thưa quý tộc, kính thưa quý ông quý bà, kính thưa các vị trưởng bối, kính thưa đại diện nhà gái, kính thưa họ nhà gái, kính thưa đại diện nhà trai, kính thưa họ nhà trai...*

2.1. NNGT trong lễ hỏi

Do trong phần lễ phải tiến hành các NL, NT mang tính tôn nghiêm, hơn nữa đây là lần đầu tiên có sự chứng giám chính thức của hai gia đình nên nhà trai và nhà gái phải hết sức cẩn trọng trong lời ăn tiếng nói. Chính vì lẽ đó, cách ngỏ lời, ước thử, rào đón cùng với các hành vi xin, xin phép, đề nghị được thể hiện nhiều trong các phát ngôn (PN), cuộc thoại của người nói là nhằm thể hiện sự khiêm tốn và tránh khiếm khuyết với gia đình thông gia. Ngoài ra còn có các từ ngữ biểu đạt lễ nghĩa, phép lịch sự, tính trang trọng như: *kính thưa, dạ, thưa, xin, xin phép, kính mời, kính xin, cảm ơn, quý tộc...*

Do có quan niệm “cưới xin, cưới hỏi” nên vị thế giao tiếp của nhà trai luôn dành phần chủ động. Vì vậy, khi tiến hành một thủ tục, NL, NT nào đó nhà trai phải là phía *mở lời* trước để thể hiện hảo ý của phía mình đối với họ nhà gái. Chẳng hạn, trước khi bắt đầu cuộc lễ, đại diện nhà trai (ĐDNT) sẽ có lời chào hỏi,

thưa gửi đề mở đầu cho buổi lễ, như: *Dạ kính thưa đại diện nhà gái. Hôm nay nhà trai đến xin làm lễ nhập gia và trình lễ hỏi (lễ hỏi, NL13) hoặc Dạ, kính thưa ông trưởng tộc, kính thưa họ tộc nhà gái (lễ hỏi, NL15). Sau đó ông sẽ nói lí do của buổi lễ Hôm nay được sự hợp đồng của hai gia đình và được sự quen biết của hai cháu từ lâu đã trình báo qua hai gia đình. Thì hôm nay gia đình bên nhà trai đem mang lễ vật qua đây để làm lễ ăn hỏi (lễ hỏi, NL13) hoặc Hôm nay được sự cho phép của nhà gái, họ nhà trai đem lễ vật qua xin làm lễ hỏi cho cháu Linh (tên chàng trai, lễ hỏi, NL15). Khi nhà gái chấp thuận bằng lời đáp ngắn gọn: *Dạ (lễ hỏi, NL15) hoặc Dạ, dạ, xin mời, xin mời. (lễ hỏi, NL13)* của vị đại diện nhà gái (ĐDNG) thì ĐDNT sẽ trình lễ vật qua cách nói cụ thể *Chúng tôi mang lễ vật qua đây gồm 6 quả: Thứ nhất là quả trầu cau, thứ hai là quả rượu trà, thứ ba là hai quả trái cây, thứ tư là hai quả bánh và kèm theo một con heo quay. Và về phần sinh lễ, nữ trang cho cô dâu (CD) gồm có một đôi hoa tai, sợi dây chuyền, một vòng đeo tay và một nhẫn hạt xoàn, về phần tiền thông dụng ngày hôm nay là 10 triệu và 2 triệu để cháu Anh làm trang phục cho ngày cưới (lễ hỏi, NL13) hay Lễ vật mang qua gồm có... (lễ hỏi, NL15). Trước khi kết thúc phần trình sinh lễ, ĐDNT lịch sự đề nghị *xin nhà gái nhận cho (lễ hỏi, NL13),* hay thể hiện sự khiêm tốn *Của ít lòng nhiều mong nhà gái nhận cho hoặc kính mong nhà gái tiếp nhận và cho cháu Trang (tên cô gái) ra làm lễ (lễ hỏi, NL15). ĐDNG cũng tỏ lòng cảm ơn họ nhà trai về sinh***

lễ, như: *Thưa ĐDNT, trước khi nhận lễ thì xin phép ĐDNG cảm ơn họ nhà trai đã chuẩn bị đầy đủ sinh lễ cho buổi lễ đính hôn ngày hôm nay* (lễ hỏi, NL13).

Khi CD tương lai ra chào họ xong sẽ tiến hành NL, NT gia tiên nhà gái. Lễ xong, hai vị đại diện sẽ giới thiệu thân tộc hai bên để làm quen và trò chuyện. Sau đó, chàng rể và nàng dâu tương lai sẽ tiến hành NL, NT như ra mắt ông bà hiện tiền, cha mẹ, thân tộc của nhau qua NT mời trầu, mời trà, mời rượu bằng cách dùng từ ngữ tường minh và lối nói kính ngữ *con mời ngoại ăn trầu, con mời ông dùng rượu, con mời cô dùng trà...* (lễ hỏi, NL15); *Rồi, hai con mời trầu cau mấy bà;* (ĐDNG, lễ hỏi, NL13) người được mời sẽ nhận trầu, rượu, trà rồi chúc mừng chàng trai, cô gái *Đã có đôi có bạn, tìm được ý trung nhân, đã được ông Tư bà Nguyệt kết tóc xe duyên...* (lễ hỏi, NL15) và tặng quà mừng.

Để có sự thành công trong đám hỏi, cả hai gia đình ngoài việc hiểu biết các NL, NT thì phản ứng xử trong giao tiếp giữa hai bên cũng có vai trò hết sức quan trọng. Bởi qua đó, người ta có thể biết được *trình độ* của người đang đối thoại với mình như thế nào mà tìm lối ứng xử cho tương xứng. Do đó, khi đảm trách vai trò được giao phó, người đại diện phải dùng *tài ăn nói* và sự hiểu biết của mình cùng với thái độ lịch sự, cách nói khiêm tốn nhằm *thu phục* người nghe.

2.2. NNGT trong lễ cưới

Ngày nay, lễ cưới tuy đã giản lược nhiều so với truyền thống nhưng những NL, NT, tập tục bắt buộc thì vẫn được duy trì như *lễ xuất giá, lễ vu quy*, (nhà

gái), *lễ nhóm họ, lễ thành hôn* (nhà trai). Khi tiến hành các lễ này, người ta thực hiện các NL và NT liên quan; trong đó, các lễ quan trọng như *lễ nhập gia, lễ trình sinh lễ, lễ lên đèn, lễ gia tiên, lễ ra mắt ông bà, cha mẹ, lễ giờ mâm trầu, lễ hợp cẩn, lễ giao bôi...* cùng với các NT như *chào hỏi, giới thiệu, mời mọc, cảm ơn, chúc mừng, cho tặng...* vẫn được tiến hành trang trọng và đầy đủ. Các nhân vật giao tiếp trong cuộc lễ này thường giữ phép tắc và tỏ thái độ thận trọng trong lời trao và lời đáp. Sở dĩ họ phải thận trọng là vì họ phải biết rõ tên, vai vế, quan hệ của thân tộc hai bên mà xưng gọi, đáp lễ cho đúng phép tắc nhằm thể hiện tính nghiêm trang trong khi hành lễ.

2.2.1. NNGT trong lễ nhóm họ, lễ xuất giá và lễ vu quy tại nhà gái

Trong lễ nhóm họ, gia đình nhà gái sẽ làm mâm cơm cúng bái, trình báo với tổ tiên về hi sự của con cháu trong gia đình và xin tổ tiên phù hộ cho CD được hạnh phúc, như: *Con xin kính báo với tổ tiên, họ tộc, ngày mai là lễ vu quy của cháu Huệ. Hôm nay vợ chồng con làm mâm cơm cùng các lễ vật kính thỉnh tổ tiên về chứng giám cho lòng thành của chúng con và kính xin tổ tiên phù hộ cho cháu Huệ xuất giá theo chồng được hạnh phúc* (lễ cưới, NL18); (...) *kính thỉnh tổ tiên về hưởng lễ và phù hộ cho cháu Thủy có cuộc sống hôn nhân tốt đẹp ở nhà chồng* (lễ cưới, NL17). Sau là họ hàng thân thiết tụ họp nhau lại dùng bữa cơm thân mật với gia đình để bàn công việc chung cho buổi lễ vu quy. Cha mẹ của CD sẽ có lời nhờ vả đến bà con họ hàng như: *Hai bữa nữa là con Thủy lấy chồng,*

vợ chồng tui nhờ bà con nội ngoại và các con cháu mình ở đây đến phụ giúp cho gia đình tui 2 ngày. Bữa đầu là đãi tiệc vu quy, bữa sau là làm lễ xuất giá đưa nó về nhà chồng... (lễ cưới, NL17).

Lễ xuất giá, nhà gái sẽ làm lễ này cho CD vào buổi tối sau lễ vu quy hoặc trong lễ cưới chính thức tại nhà gái trước khi tiến hành lễ rước dâu và thỉnh họ. Người có vai vế như ông, cha, trưởng tộc hoặc ĐDNG sẽ hướng dẫn cho CD làm lễ. Trong lễ này, CD sẽ phải bái lạy bàn thờ gia tiên để báo cáo và xin phép cho mình đi lấy chồng và xin tổ tiên phù hộ độ trì cho hôn sự được tốt đẹp, hạnh phúc. Những người như bà, mẹ, cô, dì, chị sẽ chỉ dạy CD cách cư xử, hiếu kính với nhà chồng, lòng thủy chung, sự nhường nhịn, lòng vị tha trong đời sống vợ chồng... về ăn ở có hiếu với cha mẹ nhà con (lễ cưới, NL14); về làm dâu phải thiệt ngọt chớ đưng có chua ha (lễ cưới, NL06); một sự nhịn là chín sự lành; một sự nhịn là chín sự huê để gia đình vui vẻ nhà con (lễ cưới, NL03); chồng giận thì vợ bót lời; chồng nhậu thì vợ bót lời là hạnh phúc hoài đó con (lễ cưới, NL05); có chồng chỉ thẳng một đường mà đi nha em... (lễ cưới, NL02).

Lễ vu quy và lễ rước dâu tại nhà gái. Trong lễ này, do thời gian rất hạn hẹp (phải làm lễ và đón dâu đúng giờ hoàng đạo theo sự bàn bạc và thống nhất với nhau từ trước) nên khi tiến hành các NL, NT; ĐDNT sẽ chủ động điều khiển buổi lễ theo đúng trình tự. Các cuộc thoại trong lễ nhập gia của hai vị đại diện thường cụ thể, ngắn gọn và dễ dàng đi đến sự đồng thuận như sau: *Hôm nay tui*

đại diện nhà trai. Vì hôm nay là ngày lành tháng tốt nhà trai xin làm lễ nhập gia và rước dâu; Dạ xin mời anh (lễ cưới, NL08); Hôm nay, theo sự đồng thuận của hai bên họ nhà trai chúng tôi đến đây, mang sính lễ đến đây để xin làm lễ rước dâu; Vâng, cảm ơn, mời (lễ cưới, NL14); Dạ, kính thưa trưởng tộc và bà con họ nhà gái. Hôm nay nhà trai đến xin với trưởng tộc và họ nhà gái xin làm lễ nhập gia và rước dâu; Dạ, xin kính mời nhà trai vào (lễ nhập gia, NL19).

Sau lễ nhập gia, ĐDNT sẽ trình lễ vật. Các PN trong lễ này thường liệt kê những lễ vật một cách cụ thể nhưng rất khiêm tốn. Chẳng hạn như các PN sau đây: *Trình quý tộc cái phần mâm lễ, họ nhà trai trình cúng ông bà trong ngày hôn lễ hôm nay có 6 mâm lễ và trầu rượu (lễ trình phẩm vật, NL19); Hôm nay họ nhà trai có mang đến sáu mâm phẩm vật gồm có trà, rượu, bánh và trái cây. Trước là trình lên cùng cữu huyền. Sau đó, hai bên dùng lấy thảo... Xin kính trình quý ông và quý bà (lễ trình phẩm vật, NL09); Hôm nay nhà trai chúng tôi, mang sính lễ đến đây, trình lên quý vị để xin phép làm lễ cưới. Sính lễ gồm có 6 mâm quả, và rượu, bánh trái. Của ít lòng nhiều, mong quý vị vui lòng nhận cho (lễ trình phẩm vật, NL20).*

Sau khi đã trình và nhận xong lễ vật, hai vị đại diện sẽ hướng dẫn cô dâu chú rể (CDCR) và cha mẹ hai bên tiến hành các NL, NT theo truyền thống văn hóa. NNGT của các nhân vật trong các NL, NT này rất trang trọng, lịch sự, khiêm tốn.

2.2.2. NNGT trong phần lễ nhóm họ, lễ

thành hôn tại nhà trai

Nhà trai tiến hành lễ nhóm họ với mục đích và có nội dung tương tự như lễ nhóm họ của nhà gái. Trước ngày đám cưới, nhà trai làm mâm cơm cúng tổ tiên để trình báo với ông bà quá vãng về hi sự của chú rể (CR) như sau: *Con xin kính báo với cửu huyền thất tổ, mai là ngày cưới của cháu Tài, kính thỉnh tổ tiên về hưởng lễ và phù hộ cho hôn nhân của cháu được hạnh phúc* (lễ nhóm họ, NL10); *Con xin kính cẩn trình báo với tổ tông là ngày mai vợ chồng con sẽ tổ chức đám cưới cho cháu Khánh Tôn là cháu đích tôn của họ nhà ta. Con thành tâm kính thỉnh cửu huyền thất tổ về dự lễ và phù hộ cho cháu được hạnh phúc và an bề gia thất để thờ phụng tổ tiên* (lễ nhóm họ, NL16). Sau khi cha của CR cúng tổ tiên xong, bà con thân tộc dùng bữa cơm thân mật cùng với gia đình. Cha mẹ của CR sẽ có lời nhờ cậy đến bà con họ hàng phụ giúp công việc cho ngày cưới. Tại lễ này, ông bà, cha mẹ và thân tộc của CR cũng có lời khuyên răn, chỉ bảo cho CR về trách nhiệm của người có gia đình... *nhớ đối xử với ông bà già vợ tốt nha mà; Không được nóng tánh như xưa nha mà; Không được thích gì làm nấy nữa nha* (lễ nhóm họ, NL05); *Công sinh thành nên vợ con của cha mẹ rất là lớn lao, con phải hiếu thảo với cha mẹ vợ nha con* (lễ nhóm họ, NL06); *Một vợ một chồng nha, chớ lộn xộn nha; Giờ có gia đình rồi, coi như mình lớn rồi nên con phải chín chắn hơn* (lễ nhóm họ, NL04).

Vì theo quan niệm *đi thưa, về trình*, nên trước khi nhà trai qua nhà gái đón dâu, cha của CR đốt ba cây nhang cáo

trình gia tiên để được phù hộ cho mọi việc *thuận buồm xuôi gió*. Thể hiện qua một số PN cúng bái của cha CR sau: *Trước giờ đi cưới vợ cho cháu Trung. Con kính xin tổ tiên phù hộ cho mọi việc được tốt đẹp* (lễ cưới, NL05); *Con xin kính báo và cầu xin tổ tiên phù hộ cho chúng con đi đón dâu được thượng lộ bình an* (lễ cưới, NL04). Bên cạnh đó, CR cũng phải đến trước bàn thờ gia tiên xá ba xá để trình diện tổ tiên trước khi qua nhà vợ làm lễ.

Lễ thành hôn (lễ tân hôn), được tiến hành tại nhà trai khi đã đón dâu về nhà trai và ổn định vị trí cho hai họ. ĐDNT hướng dẫn CDCR làm các NL, NT gia tiên tại nhà trai gồm: *Lễ bái gia tiên, lễ ông bà hiện tiền, lễ CD yết kiến cha mẹ chồng và thân tộc nhà chồng*. PN thể hiện nội dung của các lễ này như sau: *Con xin kính báo với tổ tiên, chúng con đã đón được dâu về nhà thuận lợi. Giờ con xin kính báo và xin phép cửu huyền thất tổ cho 2 cháu làm lễ* (lễ bái gia tiên, NL20); *Các con xá ông bà và mời rượu ông bà đi; Các con xá cha mẹ và mời rượu, 2 con xá bác Hai và mời rượu...* (lễ ông bà hiện tiền, NL17). Nhìn chung, trong các lễ này, CD cũng tiến hành tương tự các NL, NT như khi CR đã làm tại tư gia nhà gái. NNGT trong lễ này rất trang trọng, lịch thiệp và nghiêm trang.

3. NNGT trong tiệc đám hỏi, đám cưới

Trong phần tiệc, tuy thiên về *hội* nhiều hơn *lễ* nhưng người Nam Bộ vẫn không trọng việc ăn uống bằng việc chào nhau, mời nhau. Chính vì vậy, đặc trưng NNGT trong tiệc cưới hỏi mang sắc thái

thân mật, gần gũi cùng với phong cách khẩu ngữ thể hiện qua cách chào, mời nhau của người chung bàn, tạo nên sự thân thiện và thoải mái.

3.1. NNGT trong tiệc đám hỏi

Để tạo không khí ấm cúng, thân mật trong tiệc đám hỏi người ta dùng từ ngữ mang đặc trưng phong cách khẩu ngữ nhiều hơn là phong cách NL trang trọng như trong phần lễ. Bên cạnh đó, thành phần tham gia giao tiếp cởi mở hơn, rộng hơn do trong phần lễ người nói chủ yếu là hai ông đại diện, còn trong phần tiệc, thành phần giao tiếp có thân tộc, khách mời, v.v. Tuy nhiên, NNGT trong tiệc đám hỏi cũng có sự cẩn trọng bởi mối quan hệ thân tình giữa hai gia đình chưa phải là sâu sắc, nhất là quan hệ giữa bà con thân tộc của chàng trai và cô gái có thể mới gặp nhau lần đầu. Vì thế, trong bàn tiệc người ta phải chào hỏi, giới thiệu cho nhau biết về tên, vai vế, quan hệ của họ với chàng trai và cô gái. Như một số PN sau: *Tui là dì Hai của thằng Linh, đó là vợ Út* (PN của dì Hai nhà trai, tiệc đám hỏi, NL15); *chú ba cháu Linh ngồi đây với chú ba của cháu Trang để giao lưu luôn đi* (PN của Bác Hai nhà gái, tiệc đám hỏi, NL15); *Đây còn hai chỗ mời cô Ba, cô Sáu bên gái vô luôn cho vui* (PN của Bác Hai nhà gái, tiệc đám hỏi, NL15); *Mời hai ông đại diện thì ngồi bàn hội đồng với trưởng tộc và ông bà của hai đứa luôn ha* (PN của chủ hôn nhà gái, tiệc đám hỏi, NL15); *Bà ngoại và kế đến là ba mẹ, và kế tiếp là bác Tư, anh Sáu, chú Sáu, anh Cường, dì dưỡng Sáu ngồi đầu bàn và đây còn có cậu Tư vợ Tư rồi dì Út, vợ Út* (PN của

ĐDNT, tiệc đám hỏi, NL13); *Tui là bác của nó và cũng là người đại diện, đây là bà ngoại của nó, còn đó là ông bà nội, và xin thưa tiếp là bà xã tui, là bác nó, đây là vợ, đây là cô chú* (PN của ĐDNG, tiệc đám hỏi, NL13). Như vậy, trong tiệc đám hỏi người ta sắp xếp vị trí chỗ ngồi theo thứ bậc từ vai vế cao (ông bà, cha mẹ, bác Hai...) đến vai vế thấp (dì Út, vợ Út, anh chị em...). Qua đó có thể thấy, việc sắp xếp vị trí ngồi cùng cấp vừa thể hiện được tính tôn ti, thứ bậc, phép tắc vừa thiết lập mối quan hệ giao tiếp của người cùng bàn với nhau thuận lợi hơn.

3.2. NNGT trong tiệc đám cưới

a) NNGT trong tiệc vu quy

Nhà gái thường tổ chức tiệc vu quy trước tiệc thành hôn của nhà trai 1 ngày. Tiệc này tổ chức lớn hơn tiệc đám hỏi bởi thành phần khách mời được mở rộng. Cũng có gia đình tổ chức tiệc vu quy kết hợp với tiệc thành hôn của nhà trai. Nếu tiệc vu quy tổ chức tại nhà hàng thì cha của CD sẽ lên sân khấu có lời phát biểu cảm ơn quan khách trước khi buổi tiệc bắt đầu. Nếu tiệc vu quy tổ chức tại tư gia, cha mẹ của CD hoặc người đại diện sẽ dẫn CDCR đi chào hỏi và cảm ơn khách tại bàn tiệc gọi là NT chào bàn. NNGT trong NT này thường thân mật, gần gũi. Tuy nhiên, để tránh khiếm khuyết với khách, gia chủ thường có những lời rào đón như một số trường hợp sau: *Thì này giờ nó mắc tiếp chòm xóm ở ngoài đó, tui tranh thủ vận động vợ chồng nó vô đây để chào; Nói đúng ra này giờ cháu đang bận tiếp khách, cũng để tranh thủ đến bàn chào mấy anh mấy chú, ề, thông cảm giùm, thông cảm*

cho cháu (tiệc vu quy, NL11); *Thì bữa nay ngày vui của hai con thì anh em đến đây chung vui, có gì sơ sót thì bỏ qua giùm; Bữa nay mấy cháu đến chung vui, có gì sơ sót thì bỏ qua giùm* (tiệc vu quy, NL12)

b) NNGT trong tiệc thành hôn (tiệc tân hôn)

NNGT trong tiệc thành hôn cũng có nhiều điểm tương tự như trong tiệc vu quy. Trong tiệc này, người Nam Bộ thường dùng cách giao tiếp mang đặc trưng của phong cách khẩu ngữ nhằm tạo bầu không khí thân mật, gần gũi giữa chủ và khách. Những lời cảm ơn luôn xuất hiện trong các PN của gia chủ nhằm thể hiện sự hiếu khách: *Hôm nay là ngày 21 tháng 5 âm lịch năm 2011 là ngày thành hôn của hai cháu. Quý ông bà cô bác bớt chút thì giờ quý báu đến đây để dự buổi tiệc rượu chung vui cùng gia đình hôm nay để tặng thêm phần long trọng. Chúng tôi xin thay mặt bên nam chủ hôn thành thật cảm ơn quý ông bà cô bác đã có mặt ngày hôm nay. Trân trọng kính chào* (tiệc cưới, NL07); *Các anh đến chung vui, chúc mừng gia đình, cảm ơn; Chân thành cảm ơn các anh đã có mặt để chung vui cùng gia đình, chúc mừng hạnh phúc cho hai cháu* (tiệc cưới, NL01); Đặc biệt là nếu khách trong bàn tiệc quen biết và thân thiết nhau thì giao tiếp với nhau mang sắc thái thân mật, suồng sã, câu chuyện của khách trong bàn tiệc rất rôm rả thoải mái, thân tình: *Dâu An Thới hả?; Ủa; trển cũng vừa ăn đám dâu An Thới; thằng Thái còn đi biển chưa về mà ời; mà ời nghe vụ thằng Dũng chưa? Tối qua nó say bái xái luôn; tao tưởng đô* (từ

lượng) *nó ngon chó, ai dè nó bái xái luôn* (tiệc cưới, NL11); *Mang Thít, Mang Thít dô cái coi, 100% nha; Nhi lên hát tặng Trí Thư một bài đi rồi tụi này hùa theo; Ủa, nhỏ Huệ nó đi du học rồi hả? Sao không thấy ai nói gì hết tron vậy?* (tiệc cưới, NL02).

4. Sự tương đồng và khác biệt về NNGT trong lễ tiệc cưới hỏi của người Nam Bộ

4.1. Sự tương đồng

Trong đám hỏi, đám cưới của người Nam Bộ có sự phân định rõ ràng giữa phần lễ và phần tiệc. Ở phần lễ, người ta phải tiến hành các NL, NT theo phong tục tập quán quê hương và truyền thống dân tộc cùng với nền nếp gia đình nên NNGT trong phần lễ luôn mang sắc thái trang trọng, khuôn mẫu. Hơn nữa, nhằm thể hiện phép lịch sự và tránh khiếm khuyết với gia đình thông gia, người nói luôn chọn những từ ngữ lịch thiệp, trang trọng khi hành lễ như *kính thưa, kính xin, kính mời, kính chào, xin, xin phép, thưa, dạ, cảm ơn, trân trọng...* trong các PN, cuộc thoại.

Trong phần tiệc, nhằm thể hiện sự thân mật, gần gũi giữa thành phần chủ - khách và khách trong bàn tiệc, người ta dùng ngôn ngữ mang sắc thái thân mật, gần gũi, suồng sã để tạo sự thoải mái chung. NNGT trong phần tiệc thường dùng từ ngữ trung tính hoặc từ xưng hô cùng với cách dùng các trợ từ tình thái như *nha, hả, đi, vậy...* nhằm biểu đạt cho sự gần gũi, thân thiện của người nói đối với người nghe.

4.2. Sự khác biệt

Ở lễ hỏi, thành phần tham dự giới

hạn trong hai gia đình nên đối tượng giao tiếp diễn ra trong phạm vi hẹp. Đối với lễ cưới, thành phần tham dự rộng hơn lễ hỏi nên đối tượng giao tiếp cũng nhiều hơn. Bên cạnh đó, thời gian giao tiếp trong lễ hỏi không bị hạn chế vì hai gia đình cần phải bàn bạc với nhau nhiều việc liên quan đến lễ cưới. Tuy nhiên, những hôn lễ mà nhập chung lễ hỏi và lễ cưới làm một thì thời gian giao tiếp vẫn có sự hạn chế.

Với mong muốn mọi việc diễn ra trong ngày cưới được *thuận buồm xuôi gió* nên gia chủ phải chọn ngày lành tháng tốt và giờ hoàng đạo để tổ chức hỉ sự cho con cái. Bởi người ta tin rằng *có kiêng có lành và đầu xuôi đuôi lọt*. Chính vì vậy, NNGT trong lễ cưới bị giới hạn trong thời gian mà hai gia đình đã ấn định và thống nhất với nhau từ trước.

Tiệc đám hỏi, đám cưới của người Nam Bộ ở nông thôn và thành thị có sự khác biệt tương đối lớn. Điều này dẫn đến việc ứng xử giao tiếp của khách trong bàn tiệc cũng khác nhau. Ở nông thôn, tính tôn ti thứ bậc được làm trọng, vì vậy, người cùng tuổi, cùng vai vế, quen thân nhau sẽ được gia chủ xếp ngồi cùng bàn với nhau, nam ngồi theo nam, nữ ngồi với nữ, già ngồi với già, trẻ ngồi với trẻ, riêng trẻ con thì xếp riêng một bàn để dễ vui chơi, trò chuyện. Thời gian và không gian giao tiếp của người nông thôn không bị giới hạn nhiều do hầu hết được tổ chức tại tư gia. Hơn nữa, có địa phương, các nhân vật giao tiếp có cùng ngành nghề nên có nhiều việc để nói, hỏi han, chia sẻ. Đặc biệt, việc hỉ là của cả làng xã chứ không phải chỉ có hai họ tộc,

do đó, hỉ sự của gia đình cũng là ngày hội của xóm giềng. Những câu chuyện trong bàn tiệc kéo dài đến khi *không say không về*. Còn ở thành phố, ít nhiều chịu ảnh hưởng của lối sống công nghiệp nên tính lễ nghi bị giản lược nhiều, nghề nghiệp của khách khác nhau, địa điểm khách mời phân tán nên trừ bàn tiệc khách mời là thân tộc, bạn bè đồng nghiệp, còn không thì cứ đủ người là gia chủ mời vào bàn. Do vậy, nhiều người ngồi chung bàn vì không biết nhau nên chỉ chào hỏi qua loa cho phải phép, ăn uống theo thời gian đã định rồi về.

Nhìn chung NNGT trong phần tiệc cưới có sự khác biệt rất rõ giữa thành phố và nông thôn. Người ở nông thôn xem việc dự tiệc cưới là ngày hội thu nhỏ của làng quê nên hội chưa tan thì chuyện chưa dứt. Vì vậy NNGT trong bàn tiệc của khách rất rôm rả. Người thành phố coi tiệc cưới như một sự kiện, được ấn định rõ ràng nên khách trong bàn tiệc rất kiệm lời với nhau do người cùng bàn có khi chẳng biết nhau.

5. Kết luận

Tìm hiểu về NNGT tại lễ tiệc cưới hỏi của người Nam Bộ qua một số NL, NT, bước đầu chúng tôi ghi nhận rằng đặc trưng NNGT trong hôn lễ của người Nam Bộ có một phong vị riêng bởi có sự phân biệt rõ rệt trong phần lễ và phần tiệc.

NNGT trong phần lễ thường mang sắc thái hành chính, trang trọng diễn ra ở nhiều tình huống giao tiếp khi tiến hành các NL như *lễ nhập gia, lễ gia tiên, lễ ông bà, lễ ra mắt cha mẹ và bà con nội ngoại* tại tư gia, *lễ hôn phối* tại nhà thờ,

lễ cưới tại nhà hàng khách sạn và các NT *chào hỏi, giới thiệu, mời mọc, cảm ơn, chúc mừng*. Nhìn chung, khi tiến hành những NL, NT này, người tham gia giao tiếp dùng từ ngữ mang sắc thái trang trọng, thái độ nghiêm túc, cách xưng hô lịch thiệp.

Ở phần tiệc cưới hỏi, NNGT mang sắc thái thân mật, biểu cảm dùng cách nói khẩu ngữ khi thực hiện NT *cho tặng, chúc mừng, chào hỏi, mời mọc...* Về cách sử dụng từ ngữ thì ở loại phong cách giao tiếp này, các đối tượng tham gia giao tiếp thường dùng từ ngữ biểu cảm, những từ xưng hô trong thân tộc, các trợ từ tình thái kèm với cử chỉ thân thiện (bắt tay, vỗ vai, cười). Kiểu giao tiếp này xuất hiện trong những tình huống mà các thành viên giao tiếp có quan hệ bạn bè hoặc bà

con thân tộc trong gia đình nên họ thường giao tiếp với nhau một cách thân mật, tự nhiên, suồng sã, không quan trọng lễ nghĩa.

Qua NNGT trong hôn lễ của người miền Nam, chúng ta có thể thấy một bức tranh NNGT mang phong vị Nam Bộ, thể hiện nét đẹp văn hóa trong NL hôn nhân của dân tộc Việt Nam. Thiết nghĩ, khi các giá trị truyền thống ngày càng bị xem nhẹ và dần mai một, nhưng NL hôn nhân với những mỹ tục tốt đẹp vẫn còn được người dân Nam Bộ bảo tồn, trân trọng và ngày càng có sự sáng tạo, kết hợp yếu tố cổ-kim mang tính thời đại nhưng vẫn trong nội hàm và ngoại diện văn hóa dân tộc, văn hóa vùng miền, thể hiện bản sắc văn hóa Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (1992), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phan Kế Bính (2008), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn học.
3. Đỗ Hữu Châu (2000), “Tìm hiểu văn hóa qua ngôn ngữ”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10.
4. Lê Văn Chưởng (2005), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Trẻ
5. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb Giáo dục.
6. Chu Xuân Diên (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, TP HCM.
7. Phạm Vũ Dũng (1996), *Văn hóa giao tiếp*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
8. Hữu Đạt (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
9. Phạm Côn Sơn (1994), *Hôn lễ và nghi thức*, Nxb Đồng Tháp.
10. Trần Quốc Vượng (1998) (chủ biên), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

Nguồn ngữ liệu:

Ngữ liệu trích dẫn trong bài viết được ghi âm và ghi hình trực tiếp tại các đám hỏi, đám cưới ở: An Giang, Bình Dương, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Vĩnh Long... Nhân đây chúng tôi xin cảm ơn tất cả quý vị đã đồng ý cho phép chúng tôi sử dụng ngữ liệu để làm tư liệu nghiên cứu và trích dẫn trong bài viết này.

Ngữ liệu trích dẫn trong bài viết gồm các đám hỏi, đám cưới sau:

STT	Tên cô dâu, chú rể	Đám cưới	Đám hỏi	Ngày tổ chức	Địa điểm
01	Anh Nguyễn Thanh Triết Chị Nguyễn Thị Thúy Loan	x		22/8/2007	An Giang Vĩnh Long
02	Anh Phan Mạnh Trí Chị Lê Nguyễn Minh Thư	x		29/4/2012	TPHCM Đồng Tháp
03	Anh Lý Hoài Thanh Chị Đào Thị Thanh Tuyền	x		25/8/2013	Cần Thơ Hậu Giang
04	Anh Nguyễn Khắc Hùng Chị Trần Trương Ái Vy	x		4/11/2011	Bến Tre Tây Ninh
05	Anh Lê Quang Trung Chị Nguyễn Thị Diễm	x		03/12/2011	Trà Vinh
06	Anh Lê Thanh Tuấn Chị Nguyễn Quỳnh Thơ	x		03/01/2012	Vĩnh Long
07	Anh Trần Thanh Sơn Chị Phạm Mỹ Ngân	x		25/06/2011	Vĩnh Long
08	Anh Lâm Hoàng Hải Đăng Chị Trần Thị Bích Liễu	x		10/06/2011	TPHCM Tiền Giang
09	Anh Đỗ Hoàng Dũ Chị Võ Thúy Hằng	x		12/01/2013	Sóc Trăng Cần Thơ
10	Anh Nguyễn Thanh Phong Chị Lê Thị Thắm	x		19/11/2011	Long An Trà Vinh
11	Anh Huỳnh Quân Chị Lâm Hương	x		21/07/2012	Kiên Giang
12	Anh Cao Dục Hồ Chị Phan Thị Diễm Lệ	x		27/03/2012	Kiên Giang
13	Anh Võ Văn Thành Thân Chị Nguyễn Lý Phương Anh		x	03/01/2009	TPHCM
14	Anh Võ Văn Thành Thân Chị Nguyễn Lý Phương Anh	x		12/07/2009	TPHCM
15	Anh Nguyễn Tấn Linh Chị Mai Thị Thanh Trang		x	26/09/2010	TPHCM Bến Tre
16	Anh Lê Khánh Tôn Chị Giang Thùy Trang	x	x	10/03/2012	Bạc Liêu
17	Anh Phạm Văn Hoàng Chị Nguyễn Thị Thủy	x	x	14/12/2013	Bạc Liêu
18	Anh Trần Thanh Vinh Chị Tô Kim Huệ	x		02/12/2012	Cần Thơ Cà Mau
19	Anh Đinh Trần Lê Phong Chị Lâm Diễm Hồng	x		25/9/2006	TPHCM
20	Anh Trần Nghĩa Hiệp Chị Nguyễn Thiên Hương	x	x	03/07/2012	Bình Dương Bình Phước

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-6-2015; ngày phản biện đánh giá: 13-7-2015;
ngày chấp nhận đăng: 15-10-2015)